

Bản án số: 82/2025/DS-PT

Ngày 18/4/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2024/DSPT ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 126/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn V - Sinh năm 1963 - Địa chỉ: Kiệt 139/26 đường Tr, phường T, quận S, thành phố Đ. (Có mặt).

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1971 và bà Hồ Thị Mộng H1 - Sinh năm 1974 - Cùng địa chỉ: Số 545/03 đường T, phường H, quận C, thành phố Đ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Mộng H1: Ông Trần Q - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: Tổ 32 phường T, quận Th, thành phố Đ. (*Theo giấy ủy quyền ngày 20/9/2024*). (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đàm Thị S - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: Kiệt 139/26 đường Tr, phường T, quận S, thành phố Đ. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Vào ngày 21/10/2015, vợ chồng ông Nguyễn Văn V và Đàm Thị S có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 mượn số tiền 66.660.000 đồng để nộp tiền thuế đất và 15.000.000 đồng để bà H và ông H thuê dịch vụ làm sổ đỏ. bà H1 và ông H hẹn với ông V khi nào lấy sổ đỏ ra bán nhà sẽ trả lại số tiền này cho vợ chồng ông V, khi vay tiền bà H1 ông H có viết giấy mượn tiền.

Tuy nhiên, sau đó theo ông V được biết vào tháng 11 năm 2015 vợ chồng ông H và bà H1 có lấy sổ đỏ ra và bán cho người khác nhưng không trả lại tiền cho vợ chồng ông V. Vợ chồng ông H bà H1 sau khi bán nhà đã bỏ đi nơi khác, ông V đã nhờ nhiều kênh để tìm kiếm nơi sinh sống của ông H và bà H1 mới biết được vợ chồng bà về sống tại Kiệt 545/3 đường T, phường H, quận C, thành phố Đ và thực hiện quyền khởi kiện của mình.

Ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông H trả cho ông V số tiền đã mượn là 81.660.000 đồng, (ông V làm tròn thành số tiền 81.600.000 đồng) và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 9%/năm từ tháng 11/2015 đến tháng 8 năm 2024 là 106 tháng x 9%/12 x 81.600.000 đồng là 64.872.000 đồng. Tổng cộng, cả gốc và lãi ông V yêu cầu vợ chồng bà H1 và ông H phải trả cho ông V số tiền 146.472.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi là 64.872.000 đồng và chỉ yêu cầu bà H1 và ông H phải trả cho ông V số tiền 81.600.000 đồng.

** Bị đơn bà Hồ Thị Mộng H1 trình bày:*

Vào ngày 21/10/2015 vợ chồng bà có viết một tờ giấy mượn tiền của vợ chồng anh V chị S với nội dung mượn số tiền 66.660.000 đồng để nộp tiền thuế đất và 15.000.000 đồng để trả tiền dịch vụ, tổng cộng là số tiền 81.660.000 đồng. Mặc dù giấy mượn tiền này là do bà viết, chữ ký dưới giấy mượn tiền là của vợ chồng bà nhưng thực tế vợ chồng bà không nhận tiền từ vợ chồng anh V, chị S. Thời điểm đó vợ chồng bà có thuê dịch vụ để làm giấy tờ nhà đất nhưng bà là người trả tiền cho dịch vụ, bà mượn tiền của người mua nhà để nộp tiền thuế đất chứ không lấy tiền từ anh V

chị S. Việc không nhận tiền thực tế bà không chứng minh được, bà sẽ cung cấp cho Tòa án giấy tờ nộp tiền thuế đất.

Nay ông V khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền gốc là 81.600.000 đồng bà không đồng ý vì thực tế bà không nhận tiền từ vợ chồng ông V và bà S.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà có cung cấp hợp đồng vay tiền thể hiện bà có vay tiền của người khác để nộp tiền thuế đất và nộp tiền phí dịch vụ chứ bà không nhận tiền từ ông V và bà S như ông V trình bày.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của vợ ông bà Hồ Thị Mộng H1 và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị S trình bày:*

Vào ngày 21/10/2015, vợ chồng ông Nguyễn Văn V và Đàm Thị S có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 mượn số tiền 66.660.000 đồng để nộp tiền thuế đất và 15.000.000 đồng để bà H1 ông H thuê dịch vụ làm sổ đỏ. bà H1 và ông H hẹn với ông V khi nào lấy sổ đỏ ra bán nhà sẽ trả lại số tiền này cho vợ chồng ông V.

Bà S là người cùng với bà Hồ Thị Mộng H1 ra ngân hàng để rút tiền ra đưa cho bà H. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông V.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ:

- Các Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V đối ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 về yêu cầu trả tiền lãi phát sinh.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V đối với ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 về việc kiện đòi tiền.

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Đàm Thị S số tiền 81.600.000 đồng. *(Tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

III/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.080.000 đồng (*Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm Bị đơn là bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Mộng H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo còn ông Nguyễn Văn H vắng mặt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn V và bà Đàm Thị S tự nguyện cho bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H trả nợ số tiền 81.600.000 đồng với phương thức thanh toán như sau: Vào ngày 05 hàng tháng, từ tháng 5 đến tháng 9/2025 mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và ngày 5/10/2025 trả 31.600.000 đồng. Trong trường hợp bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H vi phạm bất kỳ một phân kỳ thanh toán nào thì ông Nguyễn Văn V và bà Đàm Thị S có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H tuy nhiên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn V và bà Đàm Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập họp lệ lần thứ hai ông Nguyễn Văn H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H.

*** Về nội dung:**

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng tại Đơn kháng cáo thì bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H kháng cáo cùng một nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên HĐXX xét thấy cần xem xét luận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là phù hợp.

Bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H thì thấy:

[3] Ngày 21/10/2015, bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H có viết 01 giấy mượn tiền với nội dung: *"Hai vợ chồng tôi ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị Mộng H1, hiện nay vợ chồng tôi có ngôi nhà H59/31 K139 Trần Q Khải, vợ chồng tôi đang làm sổ đỏ nhưng không đủ điều kiện để nộp thuế. Nay vợ chồng tôi viết giấy này để làm chứng là vợ chồng tôi có mượn của vợ chồng chị S và anh V với số tiền là: 66.660.000 đồng để nộp tiền thuế đất và 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để trả tiền dịch vụ. Vợ chồng tôi hẹn đến ngày lấy sổ đỏ sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền cho vợ chồng anh chị Việt Sen. Nếu sau này vợ chồng không giữ đúng lời hứa trên sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật"*. Nội dung giấy mượn tiền này là do bà H1 tự ghi và xác nhận chữ ký ở nội dung người viết là ông H và bà H1. HĐXX xét thấy việc bà H1 tự xác lập giấy mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch có năng lực đầy đủ nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án ông H và bà H1 xác định có viết giấy nợ nhưng thực tế ông H và bà H1 không nhận tiền từ ông V và bà S và cung cấp cho Tòa án 01 hợp đồng vay tiền ngày 26/10/2015 và 01 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số tiền 660.578 đồng, các thông báo nộp thuế với tổng số tiền nộp thuế là 66.660.000 đồng để chứng minh ông H và bà H1 không nhận tiền từ ông V và bà S mà mượn số tiền 100.000.000 đồng của ông Ch và bà Q để nộp tiền thuế đất. HĐXX xét thấy giấy

mượn tiền được xác lập giữa ông H, bà H1 và ông Ch, bà Q không thể phủ nhận nội dung mượn tiền theo giấy mượn tiền ngày 21/10/2015. Do vậy, việc bà H1 và ông H mượn của ông V và bà S số tiền 81.660.000 đồng để nộp tiền thuế và tiền dịch vụ là có thật.

Do bà H1 và ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và buộc ông H và bà H1 trả cho ông V và bà S số tiền 81.600.000 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với số tiền lãi phát sinh ông V đã rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết là có cơ sở.

[5] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông V và bà S tự nguyện cho ông H và bà H1 trả nợ số tiền 81.600.000 đồng với phương thức thanh toán như sau: Vào ngày 05 hàng tháng, từ tháng 5 đến tháng 9/2025 mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và ngày 5/10/2025 trả 31.600.000 đồng. Trong trường hợp ông H và bà H1 vi phạm bất kỳ một phân kỳ thanh toán nào thì ông V và bà S có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại. Xét thấy sự tự nguyện của ông V và bà S là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên cần ghi nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông H và bà H1, nhưng cần ghi nhận sự tự nguyện của ông V và bà S như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về án phí:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V nên bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(81.600.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.080.000 \text{ đồng}$.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001995 ngày 24/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V đối với ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 và Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn V và bà Đàm Thị S.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mộng H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Đàm Thị S số tiền 81.600.000 đồng. (*Tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*) với phương thức thanh toán như sau:

Vào ngày 05 hàng tháng, từ tháng 5 đến tháng 9/2025 mỗi tháng trả số tiền 10.000.000 đồng và ngày 5/10/2025 trả số tiền 31.600.000 đồng. Trong trường hợp bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H vi phạm bất kỳ một phân kỳ thanh toán nào thì ông Nguyễn Văn V và bà Đàm Thị S có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H phải chịu là 4.080.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm bà Hồ Thị Mộng H1 và ông Nguyễn Văn H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001995 ngày 24/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng